

# Đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận sinh kế bền vững: trường hợp tại hai xã Hang Kia và Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình

Đặng Hữu Liệu, Nguyễn Thị Hà Thành \*

*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 10 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 10 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 12 năm 2017

**Tóm tắt:** Trong giai đoạn 2016-2020, Việt Nam chính thức áp dụng chuẩn nghèo đa chiều để làm cơ sở mới cho đánh giá nghèo, khắc phục những hạn chế của đánh giá nghèo thu nhập thuần túy. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả, phương pháp này vẫn còn một số hạn chế bởi các chỉ thị lựa chọn vẫn chưa phản ánh được toàn diện các khía cạnh cuộc sống. Nghiên cứu này được thực hiện ở hai xã miền núi phía tây của huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình là Hang Kia và Pà Cò, với mục đích áp dụng thử nghiệm phương pháp đánh giá nghèo đa chiều của OPHI (Tổ chức Sáng kiến và Phát triển con người đại học Oxford), theo hướng tiếp cận sinh kế bền vững của DFID (Bộ Phát triển Quốc tế Vương Quốc Anh). 13 chỉ thị, thuộc 5 nguồn vốn đảm bảo sinh kế bền vững đã được lựa chọn cho nghiên cứu. Kết quả đo lường nghèo đa chiều được biểu thị theo các chiều thiếu hụt, theo không gian nghiên cứu và theo các nhóm loại hộ nghèo. Kết quả nghiên cứu cho ra bức tranh tổng quát về các hoạt động sinh kế và tình trạng nghèo đa chiều tại địa phương, làm cơ sở khoa học cho các chính sách giảm nghèo tại đây.

*Từ khóa:* Nghèo đa chiều, sinh kế bền vững, Hang Kia, Pà Cò.

## 1. Đặt vấn đề

Giảm nghèo bền vững là một trong các mục tiêu thiên niên kỷ được Liên Hợp Quốc đưa ra trong báo cáo về Các Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ - MDGs (2002). Trong khi đó, việc xác định đúng đắn các phương pháp đánh giá nghèo là một tiền đề quan trọng trong việc giảm nghèo hiệu quả.

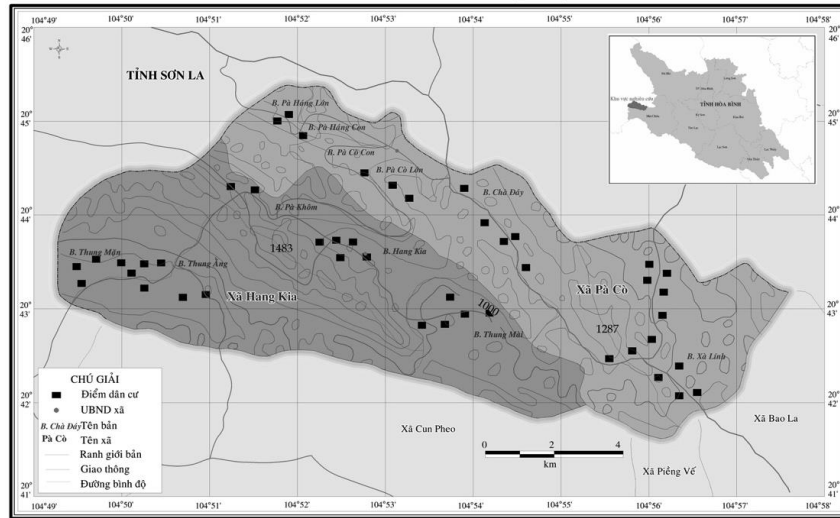
Xu hướng nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng nghèo là một hiện tượng có cấu trúc và tính

chất phức hợp, đa chiều [1, 2]. Cho đến năm 2015, Việt Nam vẫn duy trì phương pháp đánh giá nghèo chỉ dựa trên thu nhập bình quân của hộ gia đình. Tuy nhiên, phương pháp này đã lạc hậu, không phản ánh được đầy đủ các tính chất đa chiều của nghèo, và trên thực tế đã bỏ sót nhiều hộ khó khăn, dẫn đến các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cũng chưa thực sự phát huy hiệu quả [3, 4]. Do đó, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, chính thức áp dụng đánh giá nghèo đa chiều cho giai đoạn 2016 – 2020. Đây là cách tiếp cận phù hợp với xu hướng hiện đại của thế giới, là bước ngoặt trong đánh giá nghèo và việc ra quyết định chính sách hỗ trợ nghèo ở Việt Nam.

\*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-912624802.

Email: hathanh-geog@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.4191>



Hình 1. Sơ đồ vị trí khu vực nghiên cứu (KVNC).

Hai xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình là địa bàn sinh sống của người H'Mông (gần 100% số dân). Do điều kiện địa lý khá cách biệt với các vùng lân cận cùng với đặc tính sản xuất giản đơn nên người H'Mông chủ yếu phụ thuộc vào hoạt động nông nghiệp, với ngô là cây trồng chủ yếu. Do đó, tỷ lệ hộ nghèo ở đây còn tương đối cao. Đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận sinh kế bền vững ở đây mở ra cách tiếp cận tương đối mới, góp phần giúp các nhà hoạch định chính sách tại địa phương có cơ sở để thực hiện các giải pháp giảm nghèo, đặc biệt tại các khu vực miền núi như hai xã này.

## 2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### *Nghèo đa chiều*

Nghèo đa chiều hiểu theo quan điểm của OPHI có nghĩa là: “tình trạng con người không được đáp ứng một số nhu cầu cơ bản trong cuộc sống bao gồm các nhu cầu về y tế, giáo dục và điều kiện sống” [2]. Khác với nghèo thu nhập, vốn chỉ dựa trên một tiêu chí duy nhất là mức thu nhập của cá nhân, hộ gia đình, thì nghèo đa chiều đề cập toàn diện hơn đến nhiều mặt của

nhu cầu cuộc sống, và vì thế được khuyến khích áp dụng từ nhiều năm nay.

Ngay từ năm 2010, OPHI đã sử dụng phương pháp Alkire & Foster để tính chỉ số nghèo đa chiều (MPI) trong Báo cáo phát triển con người của Liên hợp quốc. Phương pháp này sử dụng 10 chỉ số, thuộc ba chiều của nghèo để đo lường nghèo đa chiều: giáo dục (trình độ học vấn, trẻ em được đi học), y tế (tử vong ở trẻ em, vấn đề suy dinh dưỡng), và điều kiện sống (điện, điều kiện vệ sinh, điều kiện nước sinh hoạt, nền nhà ở, nhiên liệu nấu ăn và tài sản sinh hoạt trong gia đình) [2].

Dựa vào phương pháp Alkire & Foster, các cấp chính quyền ở Việt Nam đã đưa vào thảo luận và xây dựng cách đo lường nghèo đa chiều từ năm 2014. Đến năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015, ban hành 11 chỉ số đo lường nghèo đa chiều, có một số thay đổi so với các chỉ số của OPHI. Các chỉ số này gồm: chỉ số thu nhập, các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin. Ở đây, có đến 6 chiều của nghèo

được xét đến, đó là: thu nhập, y tế, giáo dục, nhà ở, điều kiện sống (nước sinh hoạt và vệ sinh), và tiếp cận thông tin.

Tuy nhiên, cả OPHI và Việt Nam đều mới đánh giá được sự thiếu hụt các nhu cầu cơ bản cho cuộc sống. Các tiêu chí này được sử dụng để đo lường nghèo đa chiều, nhưng chưa đủ để đo tính ổn định và bền vững của cuộc sống hộ gia đình. Các hộ cận nghèo hoặc không nghèo vẫn có thể tái nghèo khi gặp “*cú sốc*” hay “*rủi ro*”. Chính vì thế, nhóm tác giả đề xuất đo lường nghèo đa chiều theo tiếp cận sinh kế bền vững, như một phương pháp khác để không chỉ đo “*tính nghèo*” mà còn cả “*độ rủi ro nghèo*” dựa trên sự thiếu hụt các nguồn lực đảm bảo sinh kế và cuộc sống lâu dài của hộ gia đình.

#### Sinh kế bền vững (SKBV)

Sinh kế bao gồm các khả năng, tài sản và các hoạt động cần thiết cho một phương tiện sống của con người. Sinh kế của hộ được gọi là bền vững khi hộ có thể đương đầu và phục hồi sau những áp lực và cú sốc, đồng thời duy trì hoặc nâng cao khả năng sinh kế hiện tại và tương lai dựa vào năng lực và nguồn tài sản, mà không làm tổn hại đến nguồn tài nguyên thiên nhiên [5]. Sinh kế bền vững được DFID xây dựng dựa trên sự đảm bảo của năm nguồn lực cơ bản bao gồm: nguồn vốn con người (được đánh giá dựa trên các tiêu chí về nguồn nhân

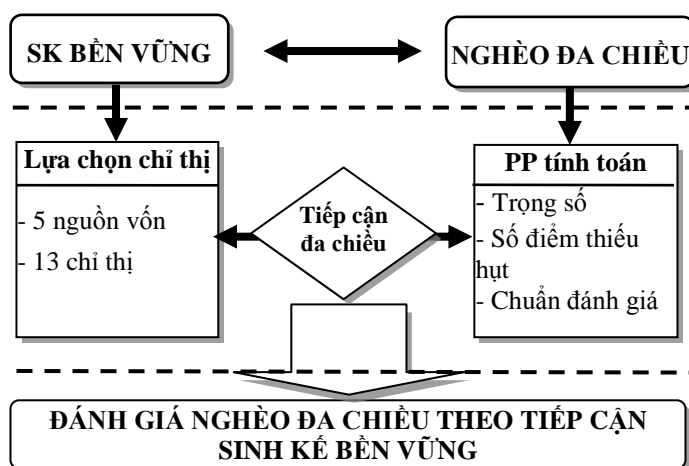
lực của hộ bao gồm số lượng lao động, học vấn, sức khỏe,...), nguồn vốn tự nhiên (là sự sở hữu các loại tài nguyên tự nhiên như đất đai, tài nguyên rừng, nước, hệ sinh vật), nguồn vốn vật chất (sự sở hữu các tài sản vật chất liên quan tới sinh hoạt hằng ngày của hộ cũng như các tài sản liên quan tới sản xuất, đi lại và tiếp cận thông tin), nguồn vốn tài chính (các nguồn tài chính về tiền mặt hoặc vật chất mà hộ sở hữu có giá trị quy đổi thành tiền như thu nhập, tiền tiết kiệm,...), và nguồn vốn xã hội (đề cập đến mối liên kết giữa hộ gia đình với các tổ chức chính trị xã hội khác nhau cũng như sự hỗ trợ từ các tổ chức này khi gặp phải các rủi ro).

Đánh giá nghèo đa chiều dựa trên tiếp cận sinh kế bền vững là cơ sở để không chỉ đo lường và giám sát nghèo hiệu quả, mà còn hướng tới sự phát triển bền vững cho hộ gia đình và cộng đồng địa phương.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

### a. Lựa chọn chỉ thị

Nghiên cứu sử dụng tiếp cận đa chiều và cách thức tính toán mức độ thiếu hụt của từng chiều và từng chỉ thị trong đánh giá nghèo đa chiều của OPHI kết hợp với tiếp cận SKBV theo khung sinh kế bền vững của DFID (xem hình 2).



Hình 2. Sơ đồ tiếp cận nghiên cứu.

Mỗi nguồn vốn và các chỉ thị trong từng nguồn vốn sẽ có một trọng số riêng và tương ứng với một số điểm nhất định. Nếu các hộ được đánh giá bị thiếu hụt ở chiều nào sẽ bị trừ điểm chiều đó. Tổng số điểm thiếu hụt sẽ quy định mức độ nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV. Tất cả có 13 chỉ thị được lựa chọn để đánh giá dựa trên các nghiên cứu của OPHI năm 2013, 2014 và các nghiên cứu trong nước khác (có sự chỉnh sửa bổ sung của tác giả), tương ứng với 5 nguồn vốn sinh kế bao gồm: (i) vốn tự nhiên gồm 3 chỉ thị: diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người-SNN; mức độ hưởng lợi từ rừng-HTR; thời gian di chuyển từ nhà tới nơi sản xuất-KC; (ii) vốn con người gồm 3 chỉ thị: số người trong độ tuổi lao động-LDONG; học vấn chủ hộ-HV; tỷ lệ lao động chưa tốt nghiệp THCS-HVLD; (iii) vốn vật chất gồm 3 chỉ thị: sự sở hữu các tài sản tiếp cận thông tin-TT; sự sở hữu tư liệu và phương tiện sản xuất-SX; sự sở hữu các phương tiện di chuyển-DL; (iv) vốn xã hội gồm 2 chỉ thị: sự tham gia các tổ chức chính trị - xã hội-TC; sự hưởng lợi từ các tổ chức chính trị- xã hội-LOI và vốn tài chính gồm 2 chỉ thị: thu nhập bình quân đầu người/ tháng- INC và mục đích vay vốn-MDV.

Thông tin về các chỉ báo được thu thập bằng phương pháp điều tra xã hội học với bảng hỏi cấu trúc được thiết kế sẵn với cỡ mẫu là 100 hộ trên địa bàn hai xã Hang Kia và Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Việc lựa chọn hộ gia đình được hỏi dựa trên phương pháp lựa chọn ngẫu nhiên đơn giản.

#### b. Quy trình đánh giá

Bước 1: Thu thập số liệu theo các chỉ báo được đưa ra trong bảng 1:

Trong đó, trọng số của mỗi chỉ thị của chiều thứ  $i$  được tính toán theo công thức:

$$W_i = 1/(m_i * m_j) \quad [3]$$

Với,  $m_i$  là tổng số chiều được xét (5 chiều) và  $m_j$  là số chỉ thị được sử dụng của chiều thứ  $i$ . Như vậy, mỗi chiều được xét có trọng số bằng 1/5 và mỗi chỉ thị ở chiều có 3 chỉ thị sẽ có trọng số là 1/15 và mỗi chỉ thị ở chiều có 2 chỉ thị có trọng số là 1/10. Để đơn giản hóa về mặt tính toán, nghiên cứu lấy mẫu số chung của các trọng số là 30. Do đó, các chỉ thị chiếm 1/15 trọng số sẽ tương ứng với 2 điểm và các chỉ thị chiếm 1/10 trọng số tương ứng với 3 điểm.

Bảng 1. Các chỉ báo sử dụng trong đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV

Vốn	Chỉ thị	Số điểm	Đơn vị	Thiếu hụt nếu
Con người	LDONG	2	Người	Không có người nào trong độ tuổi lao động
	HV	6	Lớp	Chủ hộ chưa tốt nghiệp tiểu học
	HVLD	2	Người	Không ai tốt nghiệp THCS trở lên
	TT	2	Có/ không	Không sở hữu ít nhất 1 tài sản: TV/ đài/ điện thoại.
Vật chất	SX	6	Có/ không	Không sở hữu ít nhất 1 tài sản: trâu/ bò/máy móc phục vụ sản xuất
	DL	2	Có/ không	Không sở hữu ít nhất 1 phương tiện: xe máy/ ô tô
	SNN	2	m <sup>2</sup>	Nhỏ hơn diện tích một nửa bình quân của cả nước (550m <sup>2</sup> )
Tự nhiên	HTR	6	Mức độ 1-3	Mức 1 (1= không/ rất ít được hưởng lợi; 2= trung bình; 3= nhiều)
	KC	2	Phút	Lớn hơn thời gian trung bình được khảo sát
Tài chính	INC	3	Đồng	Nhỏ hơn một nửa so với chuẩn nghèo hiện nay (<350.000 Đồng)
	MDV	3	Có/ không	Không đầu tư cho các HDSK hoặc hoạt động tạo thu nhập khác
Xã hội	TC	3	Có/ không	Không tham gia tổ chức nào
	LOI	3	Có/ không	Không được hưởng lợi từ các tổ chức (có hoặc không tham gia)

**Bước 2: Tính toán**

Tính toán trọng số theo công thức [3] và tính toán tổng số điểm thiếu hụt cho mỗi chiều để làm cơ sở đánh giá ở bước 3.

**Bước 3: Đánh giá**

Kết quả đánh giá nghèo theo tiếp cận sinh kế bền vững sẽ được tính toán dựa trên tổng số điểm thiếu hụt của tất cả các chiều.

Khảo sát thực tế cho thấy, ở Hang Kia và Pà Cò, có những hộ thực sự còn gặp nhiều khó

khăn nhưng không có trong danh sách nghèo hoặc có những hộ mà tình trạng nghèo còn vượt qua các mức quy chuẩn của thời điểm hiện tại. Do đó, để phù hợp với đặc thù của khu vực nghiên cứu và yêu cầu cần có khung đánh giá chuẩn với mục tiêu xác định tương đối chính xác các đối tượng nghèo, nhóm tác giả đã dựa trên khung đánh giá của OPHI (2014) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2015) để xây dựng cơ sở cho quy chuẩn đánh giá trong nghiên cứu này:

Bảng 2. Quy chuẩn về mức độ đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV [3, 6]

Nếu thiếu hụt	Số điểm tương ứng	Mức độ nghèo
$\geq 3/5$ tổng số điểm	$\geq 18/30$	Nghèo đa chiều trọng chiều theo tiếp cận SKBV
$2/5-3/5$ tổng số điểm	13-17/30	Nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV
$1/5-2/5$ tổng số điểm	6-12/30	Cận nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV
$< 1/5$ tổng số điểm	$< 6/30$	Không nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV

**3. Kết quả nghiên cứu và các khuyến nghị****3.1. Kết quả nghiên cứu**

*Số lượng các hộ nghèo theo các nguồn vốn SK và theo khu vực*

Sau quá trình đánh giá cho 100 hộ dân trên 13 chỉ thị được lựa chọn, số lượng và tỷ lệ hộ thiếu hụt theo các chỉ thị được ghi trong bảng sau:

Bảng 3. Số hộ thiếu hụt chia theo các chỉ tiêu đánh giá và chia theo xã tại KVNC

Nguồn vốn	Chỉ thị	Số hộ		Tỷ lệ (%)		Tổng tỷ lệ số hộ bị thiếu hụt
		Pà Cò	Hang Kia	Pà Cò	Hang Kia	
Con người	LDONG	19	19	38	38	38
	HV	24	27	48	54	51
	HVLD	9	9	18	18	18
	Trung bình	17,3	18,3	34,7	36,7	36
	SNN	35	43	70	86	78
Tự nhiên	HTR	21	23	42	46	44
	KC	28	32	56	64	62
	Trung bình	28	32,7	56	65,3	61
	TT	10	8	20	16	18
Vật chất	SX	0	0	0	0	0
	DL	4	0	8	0	4
	Trung bình	4,7	2,7	9,3	5,3	7,3
Tài chính	INC	17	29	34	58	46
	MDV	8	18	16	36	26
	Trung bình	12,5	23,5	25	47	36
Xã hội	TC	24	23	48	46	47
	LOI	17	28	34	56	45
	Trung bình	20,5	25,5	41	51	46

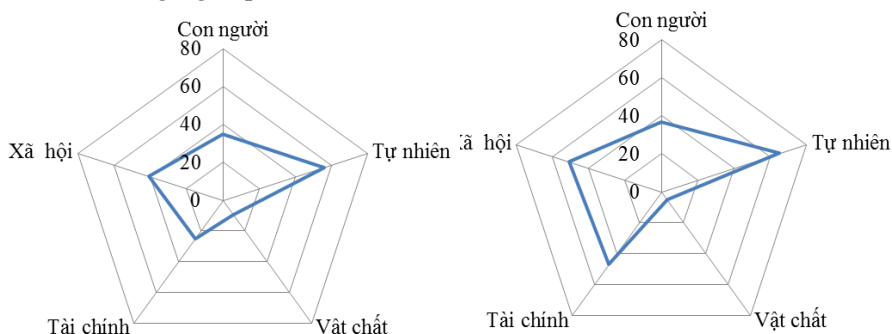
Trong 13 chỉ thị được khảo sát, *SNN* là chỉ thị có mức độ thiếu hụt lớn nhất với gần 4/5 số hộ bị thiếu, tiếp theo sau là chỉ thị *KC* và chỉ thị *HV* có tỷ lệ thiếu hụt trên ngưỡng 50%. Còn lại chỉ duy nhất chỉ thị *SX* không có hộ nào bị thiếu hụt và không có chỉ thị nào mà tỷ lệ thiếu hụt dưới ngưỡng 18%. Điều đó phần nào cho thấy tỷ lệ nghèo đa chiều theo tiếp cận sinh kế ở đây còn khá cao.

Xét về vốn con người, tỷ lệ bình quân số hộ thiếu hụt nguồn vốn này là 36%. Các chỉ thị *HV* và *LDONG* là 2 chỉ thị bị thiếu hụt nhiều nhất với tỷ lệ lần lượt là 51% và 38% tổng số hộ khảo sát. Đối với biến *LDONG*, một trong những nguyên nhân chính dẫn tới quy mô hộ ở đây tương đối lớn là do gần 100% người dân ở đây là đồng bào dân tộc H'Mông. Các kiến thức về sức khỏe sinh sản của người dân còn hạn chế, trong khi đó, các tập quán lạc hậu, lâu đời vẫn còn được duy trì. Quy mô hộ tương đối lớn đặt ra hai vấn đề, thứ nhất, nếu tổng số lao động trong tổng số thành viên hộ lớn, đây có thể là một trong các lợi thế về mặt lao động của hộ. Tuy nhiên, cũng với quy mô đó nhưng tỷ lệ phụ thuộc cao, nó sẽ lại trở thành thách thức tới kinh tế hộ gia đình, đặc biệt trong các vấn đề về xóa đói giảm nghèo.

Vốn tự nhiên là loại vốn bị thiếu hụt nhiều nhất, với 61% tổng số hộ thiếu hụt nguồn vốn này. Trong đó, 2 trong 3 chỉ thị của nguồn vốn này có tỷ lệ hộ thiếu hụt trên 60% đó là chỉ thị *SNN* và *KC*. Khảo sát thực tế cho thấy trong điều kiện của khu vực miền núi như của địa phương, đất sản xuất nông nghiệp vừa dốc, lại

vừa manh mún, dẫn đến khó khăn trong canh tác. Các hộ mất nhiều thời gian di chuyển tới khu vực canh tác chủ yếu do đất sản xuất nông nghiệp không liền kề với đất ở của các hộ gia đình, mà điều kiện đường sá ở khu vực miền núi như Hang Kia và Pà Cò thì còn nhiều hạn chế. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo tại đây. Bên cạnh đó, có đến 44% hộ có sự thiếu hụt chỉ thị *HTR*, một phần do dự án giao rừng có hỗ trợ kinh phí cho người dân đã ngừng triển khai từ năm 1993, phần khác là do các quy định về bảo vệ rừng ngày càng được thắt chặt khiến mức độ hưởng lợi từ rừng của các hộ dân ở đây bị giảm một cách đáng kể so với trước.

Vốn vật chất là chiều có số lượng hộ thiếu hụt trong các chỉ thị ít nhất - trung bình chỉ có khoảng 7,3% tổng số hộ được khảo sát bị thiếu hụt chiều này; gồm 1 chỉ thị duy nhất không bị thiếu hụt đó là chỉ thị *SX*; chỉ thị *DL* chỉ có 4% tổng số hộ bị thiếu hụt. Nguyên nhân là do xe máy và điện thoại di động là hai tài sản quan trọng nhất đối với người dân tại đây, nên hầu như hộ nào cũng phải sắm sửa. Xe máy là phương tiện giúp họ đi lại nhanh và thuận tiện hơn, đặc biệt là dễ dàng di chuyển tới nơi sản xuất trong điều kiện địa hình miền núi. Còn điện thoại là phương tiện tối ưu giúp người dân liên lạc và trao đổi thông tin, khi mà họ không thể thường xuyên qua lại nhà nhau do các hộ nằm ở khá cách xa nhau. Ngoài ra, trâu, bò là các phương tiện sản xuất quan trọng nên hầu hết các hộ dân được nhà nước hoặc các tổ chức chính trị xã hội hỗ trợ do nằm ở vùng khó khăn.



Hình 2. Số hộ thiếu hụt chia theo các nguồn vốn của xã Pà Cò (trái) và xã Hang Kia (phải).

Vốn tài chính có tỷ lệ hộ bị thiếu hụt là 36%. Trong đó, thu nhập là chỉ thị bị thiếu hụt nhiều nhất, với 78%. Hầu hết các lao động ở đây chỉ tập trung hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Thu nhập trung bình ở đây chỉ đạt hơn 450.000 VNĐ/tháng/lao động. Mặc dù thu nhập thấp, nhưng do đặc tính bảo thủ của người H'Mông nên kể cả lực lượng lao động trẻ cũng chủ yếu lựa chọn ở lại quê hương với nghề nông hoặc các nghề truyền thống chứ không muốn di chuyển lên thị trấn hoặc các thành phố lớn để tìm kiếm việc làm. Tuy điều đó rất có lợi trong việc giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa, sự gắn kết của gia đình và mối liên hệ của cộng đồng song cũng là một cản trở cho sự chuyển đổi nghề nghiệp cũng như quá trình đa dạng hóa các hoạt động sinh kế (HĐSK) nhằm giảm và thoát nghèo.

Vốn xã hội là chiều có tỷ lệ bình quân số hộ thiếu hụt lớn thứ 2, trong đó cả hai chỉ thị thuộc vốn xã hội đều có tỷ lệ hộ bị thiếu hụt lớn. Theo ý kiến khảo sát thu được, như trận sạt lở đất năm 2007 khiến nhiều hộ thiệt hại về nhà ở, phương tiện,... hoặc đợt rét đậm rét hại (có tuyết rơi) đầu năm 2016 làm cho phần lớn hoa mận, hoa đào bị mù, khiến sản lượng hai loại cây trồng này sụt giảm đáng kể. Vì vậy, những hỗ trợ nhận được từ các tổ chức chính trị xã hội chính là một nguồn quan trọng giúp các hộ gia đình vượt qua những thời điểm khó khăn như vậy. Tuy nhiên, do điều kiện địa hình khó khăn, các hộ dân cư nằm xa nhau và khó tiếp cận, khiến việc tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội cũng như sự nhận được hỗ trợ từ họ trở nên khó khăn, dẫn đến tỷ lệ thiếu hụt chỉ thị này của các hộ khá cao, lần lượt chiếm 42% và 46%.

Chia theo KVNC, vị trí địa lý cách biệt hơn khiến cho khả năng tiếp cận đến các dịch vụ xã hội của xã Hang Kia kém hơn Pà Cò; đồng thời, khả năng tiếp cận rừng và mức độ manh mún đất đai ở xã này cũng thấp hơn nên nhìn chung, Hang Kia có tỷ lệ hộ thiếu hụt ở nhiều chiều hơn so với ở Pà Cò. Trong số 7 trên 13 chỉ thị mà tỷ lệ số hộ thiếu hụt ở xã Hang Kia cao hơn so với xã Pà Cò, đáng chú ý có chỉ thị cao hơn gấp 2 lần, đó là chỉ thị MDV - gấp 2,25 lần

(36% so với 16% số hộ thiếu hụt trong tổng số hộ). Các chỉ thị LOI - cao hơn gấp 1,7 lần (56% so với 34%); các chỉ thị về SNN, KC cao hơn gấp 1,23 và 1,14 lần. Còn lại, có 3 trong 13 chỉ thị mà xã Pà Cò có tỷ lệ hộ thiếu hụt cao hơn so với xã Hang Kia gồm chỉ thị DL - xã Hang Kia không có hộ nào bị thiếu hụt; tuy nhiên về mặt số lượng chênh lệch ở chỉ thị này lại không đáng kể - chỉ với 4 hộ. Các chỉ thị còn lại là TT và chỉ thị TC - tương tự cũng có sự chênh lệch không nhiều (20% so với 16% và 48% so với 46%).

*Kết quả đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV*

Mức độ nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV sẽ được tổng hợp sau khi đánh giá sự thiếu hụt theo các chiều – chính bằng tổng số điểm thiếu hụt ở các chiều. Sau khi tính toán xong số điểm của các chiều và tính tổng số điểm thiếu hụt các chiều đó, đối chiếu số điểm này với bảng quy chuẩn mức độ nghèo đa chiều ở trên ta sẽ có xếp loại các hộ đó.

Bảng 4. Số hộ và tỷ lệ các hộ nghèo đa chiều theo tiếp cận sinh kế bền vững chia theo xã và theo loại hộ nghèo

	Pà Cò		Hang Kia		Tổng số hộ
	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	
Không nghèo	7	14	3	6	10
Cận nghèo	28	56	22	44	50
Nghèo	14	28	22	44	36
Nghèo nghiêm trọng	1	2	3	6	4
<b>Tổng</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>50</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Như vậy, theo kết quả tính toán thì trong số các hộ được khảo sát, có đến 90% hộ nghèo đa chiều, và chỉ có 10% số hộ không nghèo. Trong đó, tỷ lệ hộ cận nghèo là 50%, tỷ lệ hộ nghèo là 36% và có 4% hộ nghèo nghiêm trọng.

Xét theo khu vực nghiên cứu, tỷ lệ hộ nghèo và nghèo nghiêm trọng ở xã Hang Kia là 50%, còn ở xã Pà Cò thấp hơn, khoảng 30%.

Ngược lại, tỷ lệ hộ cận nghèo ở xã Hang Kia thấp hơn so với ở xã Pà Cò (tương ứng tỷ lệ đạt 44% và 56%). Mặt khác, trong khi Pà Cò còn có 14% số hộ không nghèo, thì tỷ lệ này ở Hang Kia chỉ có 6%. Theo khảo sát thực tế, xã Pà Cò nằm gần với quốc lộ 6 hơn trong khi chợ duy nhất của cả hai xã lại nằm trên địa bàn xã này. Điều này không chỉ khiến thời gian di chuyển từ nhà hoặc nơi sản xuất ra chợ của người dân xã Pà Cò ngắn hơn nhiều so với của người dân Hang Kia, mà còn phần nào thúc đẩy các hoạt động dịch vụ manh nha phát triển như sửa chữa xe máy, buôn bán tạp hóa, trao đổi nông sản, ... Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu khiến Pà Cò có tỷ lệ hộ nghèo và nghèo nghiêm trọng ít hơn so với xã Hang Kia. Như vậy, nhìn chung cả hai xã đều có phần lớn số hộ bị nghèo đa chiều, nhưng tình trạng nghèo ở Hang Kia nghiêm trọng hơn so với ở Pà Cò.

*Đặc điểm thiếu hụt sinh kế của các nhóm đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV*

#### *Về sự thiếu hụt các chỉ thị và vốn sinh kế*

Cách xếp loại nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV dựa trên cách tính tổng số điểm thiếu hụt theo các chỉ thị được lựa chọn trong khung SKBV. Do vậy, các nhóm nghèo khác nhau theo tiếp cận này có mức độ thiếu hụt các nguồn vốn sinh kế khác nhau, thể hiện trong bảng 5.

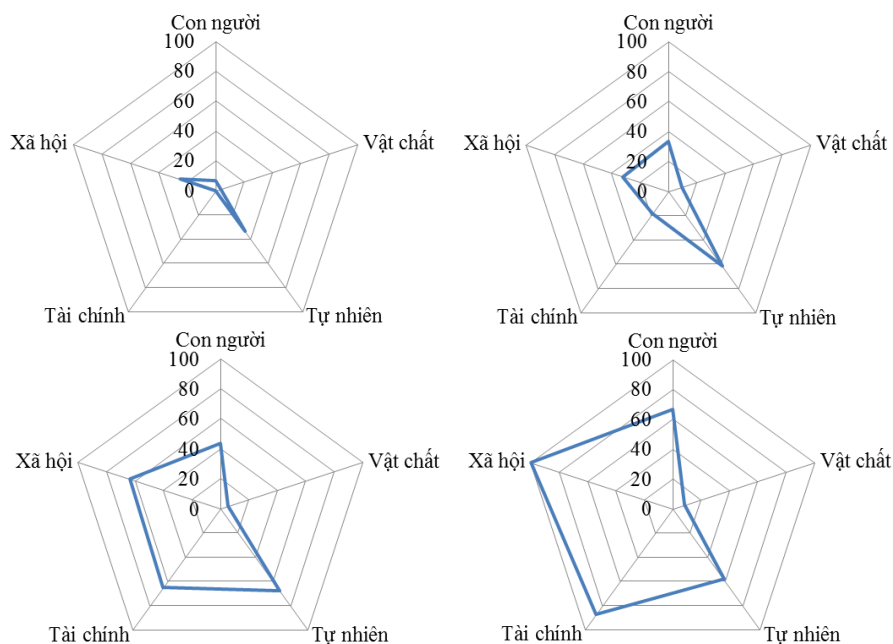
Như vậy, chỉ duy nhất có chỉ thị SX là không có hộ nào bị thiếu hụt (ở 100% số hộ của các nhóm). Ngược lại, các chỉ thị SNN, TC và KC có tỷ lệ hộ bị thiếu hụt khá cao ở tất cả các nhóm, kể cả nhóm hộ không nghèo. Điều này cho thấy việc thiếu đất sản xuất nông nghiệp, khoảng cách từ nhà đến thửa đất canh tác xa và việc tham gia các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa phổ biến là bất cập chung của toàn địa bàn nghiên cứu.

Bảng 5. Tỷ lệ hộ bị thiếu hụt chia theo nhóm và chia theo các chỉ thị tại KVNC

Vốn	Chỉ thị	Không nghèo		Cận nghèo		Nghèo		Nghèo NT	
		% KV*	% nhóm	% KV	% nhóm	% KV	% nhóm	% KV	% nhóm
Con người	LDONG	1	10	20	40	15	41,7	2	50
	HV	1	10	23	46	23	63,9	4	100
	HVLD	0	0	7	14	9	25,0	2	50
Vật chất	TT	1	10	11	22	5	13,9	1	25
	SX	0	0	0	0	0	0,0	0	0
	DL	0	0	3	6	1	2,8	0	0
Tự nhiên	SNN	6	60	38	76	30	83,3	4	100
	HTR	0	0	23	46	20	55,6	1	25
	KC	4	40	31	62	23	63,9	2	50
Tài chính	INC	0	0	14	28	29	80,6	3	75
	MDV	0	0	4	8	18	50,0	4	100
Xã hội	TC	5	50	15	30	23	63,9	4	100
	LOI	0	0	17	34	23	63,9	4	100

(\*: tính trong cộng đồng 100 hộ được khảo sát)





Hình 3. Đặc điểm thiếu hụt theo vốn SK của các nhóm đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV (từ trái sang, trên xuống: nhóm không nghèo, cận nghèo, nghèo, và nghèo nghiêm trọng)

Nhóm cận nghèo bị thiếu hụt ở 12/13 chỉ thị, trong đó thiếu hụt nhiều ở các chỉ thị *SNN, KC, HV, HTR* và *LDONG*. Nhóm nghèo cũng bị thiếu hụt ở 12/13 chỉ thị, nhưng tỷ lệ hộ bị thiếu hụt ở các chỉ thị lớn hơn hẳn, và chủ yếu ở các chỉ thị *SNN, INC, HV, KC, TC, LOI, HTR, MDV* và *LDONG*. Nhóm nghèo nghiêm trọng bị thiếu hụt ở 12/13 chỉ thị, trong đó 100% số hộ bị thiếu hụt ở các chỉ thị *HV, SNN, MDV, TC* và *LOI*, 75% hộ bị thiếu hụt ở chỉ thị *INC* và 50% số hộ bị thiếu hụt ở chỉ thị *HVLD* và *KC*.

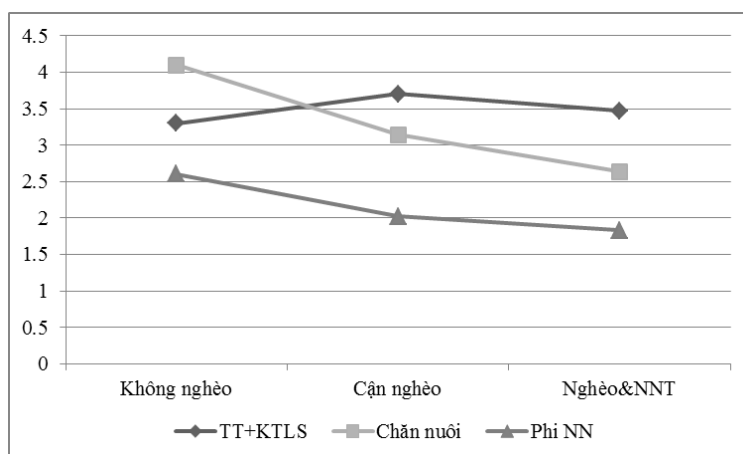
#### Về sự thiếu hụt các HĐSK

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, độ đa dạng các HĐSK và tỷ lệ nghèo có mối quan hệ chặt và ngược chiều nhau [7, 8]. Độ đa dạng các HĐSK càng thấp thì tỷ lệ nghèo càng cao; trong đó số lượng các HĐSK tại khu vực là cơ sở quan trọng để đánh giá độ đa dạng. Vì vậy trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã xem xét đánh giá các nhóm nghèo theo sự thiếu hụt các HĐSK.

Qua khảo sát thực tế, có thể chia các HĐSK tại khu vực làm 3 nhóm sinh kế chính, bao quát

20 HĐSK, cụ thể là: (1) trồng trọt và khai thác lâm sản (*TT&KTLS*) gồm 8 hoạt động: trồng lúa, ngô, mận, đào, dong, rau màu, chè và khai thác lâm sản; (2) Chăn nuôi gồm 7 hoạt động: nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngỗng, dê; (3) Phi nông nghiệp (*PNN*) gồm 2 phụ nhóm: (i) du lịch gồm 2 hoạt động: làm thổ cẩm và homestay; (ii) khác gồm 3 hoạt động: kinh doanh tạp hóa + dịch vụ khác; làm công ăn lương và đi làm thuê nơi khác.

Nhìn chung, do đặc thù nằm trong khu vực miền núi nên nông nghiệp và lâm nghiệp vẫn là HĐSK chính của các hộ dân tại hai xã Hang Kia và Pà Cò nên xu hướng sở hữu các HĐSK trong nhóm *TT&KTLS* vẫn là phổ biến ở tất cả các nhóm nghèo. Các điều kiện địa lý tương đối khó khăn tại đây khiến các HĐSK thuộc nhóm *PNN* vẫn chiếm tỷ lệ ít nhất (với mức trung bình cao nhất mới đạt trên ngưỡng 2.5 một chút). Tuy nhiên, trong những năm gần đây các hoạt động như du lịch và các loại hình dịch vụ nhỏ lẻ khác đã manh nha phát triển, tạo điều kiện cho các hộ dân nâng cao mức sống.



Hình 4. Số HĐSK trung bình theo các nhóm đánh giá nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV.

Ngoài ra, ta có thể nhận thấy rõ ràng, các hộ thuộc nhóm không nghèo có trung bình các hoạt động thuộc nhóm chăn nuôi cao hơn cả, với mức trung bình đạt trên ngưỡng 4 trong tổng số 7 hoạt động của nhóm này. Trong khi đó, các nhóm nghèo có xu hướng dẫn đầu số lượng các hoạt động thuộc nhóm TT&KTLS. Kết hợp với các đặc điểm sinh kế đã phân tích ở trên, có thể thấy rằng, tuy các HĐSK thuộc nhóm nông nghiệp vẫn chiếm vị trí chủ đạo trong các hoạt động kinh tế tại địa phương, trong đó hoạt động chăn nuôi đóng vai trò quyết định hơn cả, bởi điều kiện đất đai manh mún gây bất lợi cho hoạt động canh tác các loại cây trồng. Thêm vào đó, nếu lợi thế cảnh quan miền núi, đẹp và chưa bị biến đổi nhiều của địa phương được khai thác tốt cho phát triển du lịch, thì đây sẽ là một trong các nhân tố giúp địa phương thoát khỏi tình trạng nghèo.

Như vậy có thể thấy rằng: (i) các hộ thuộc nhóm nghèo và nghèo đa chiều nghiêm trọng theo tiếp cận SKBV có xu hướng sở hữu nhiều các hoạt động *trồng trọt và khai thác lâm sản* (khoảng 3/8 hoạt động) và ít hơn ở 2 nhóm HĐSK còn lại. (ii) nhóm nghèo và nghèo đa chiều nghiêm trọng theo tiếp cận SKBV có sự thiếu hụt chủ yếu ở vốn tự nhiên, xã hội và con người cùng với đó là trung bình các HĐSK xuất hiện trong các hộ cũng ở mức khá thấp.

### 3.2. Kết luận và các khuyến nghị

Phương pháp đánh giá nghèo đa chiều dựa theo tiếp cận sinh kế bền vững vừa có thể đem lại hiệu quả trong việc đo lường nghèo, xác định được đối tượng nghèo, mà lại có thể nhìn thấy các nguồn vốn thiếu hụt của các hộ gia đình. Theo kết quả đánh giá, tỷ lệ nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV tại Hang Kia- Pà Cò tương đối cao-với 40%, cao hơn gấp 1,5 và 1,3 lần so với tỷ lệ nghèo thu nhập của địa phương và cộng đồng được khảo sát. Trong đó, Hang Kia có tới 94% số hộ cận nghèo, nghèo và nghèo nghiêm trọng, còn ở Pà Cò, tỷ lệ này là 86%. Các hộ nghèo tại đây có xu hướng thiếu hụt chủ yếu ở nguồn vốn xã hội, tự nhiên và tài chính. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các hộ nghèo có xu hướng thiếu hụt chủ yếu ở nguồn vốn xã hội, tự nhiên và tài chính cùng với đó, số lượng các HĐSK đặc biệt ở nhóm chăn nuôi và phi nông nghiệp ở mức rất thấp. Trên cơ sở đó, các tác giả có một số khuyến nghị đối với địa phương như sau:

(1) Đa dạng hóa các HĐSK (cả trong nông nghiệp và phi nông nghiệp) là một trong các nhiệm vụ mà địa phương cần chú trọng nhằm đạt mục tiêu giảm nghèo. Tuy nhiên, quá trình khảo sát thực địa cho thấy, bản tính bảo thủ của đồng bào dân tộc H'Mông trong quá trình canh

tác, sản xuất tại đây là một trong các yếu tố cản trở quá trình đa dạng hóa các HĐSK. Chính vì vậy, các chính sách hạn chế đặc tính này của đồng bào H'Mông cần được thúc đẩy.

(2) Các hoạt động du lịch ở đây đã mạnh mẽ phát triển trên cơ sở lợi thế về cảnh quan đẹp gần như chưa bị khai thác nên có tiềm năng du lịch lớn. Địa phương cần tận dụng điều này như một trong các chiến lược nhằm đa dạng các HĐSK. Thêm vào đó, đa dạng hóa cây trồng vật nuôi thích hợp với điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội của địa phương cũng là việc làm cần thiết do nghề nông vẫn là ngành kinh tế chủ đạo của phần lớn các hộ dân ở đây.

(3) Nâng cao trình độ của lao động đồng thời có chính sách dân số hợp lý nhằm giảm tỷ lệ người phụ thuộc ở các hộ dân để tận dụng triệt để lợi thế về nguồn lao động tương đối dồi dào.

(4) Chú trọng giảm thiểu các chiểu thiếu hụt gây ra tình trạng nghèo đa chiều theo tiếp cận SKBV tại đây: (i) đối với sự thiếu hụt vốn tự nhiên: trước hết địa phương cần có các biện pháp kỹ thuật để cải thiện tính nhạy cảm với mưa lớn và tăng tính hiệu quả của đất canh tác, đồng thời tập trung ruộng đất nhiều nhất có thể nhằm giảm thời gian di chuyển đến nơi sản xuất cũng như tình trạng manh mún của nó; (ii) đối với sự thiếu hụt vốn tài chính, cần đa dạng hóa các HĐSK phù hợp nhằm nâng cao thu nhập bình quân đầu người; thêm vào đó cần tuyên truyền cho người dân hiểu về việc cần thiết phải sử dụng nguồn vốn một cách đúng đắn, có hiệu quả; (iii) đối với sự thiếu hụt vốn xã hội: khuyến khích người dân tham gia các tổ chức chính trị xã hội phù hợp nhằm có được những

thông tin cần thiết cho đời sống và quá trình sản xuất cũng như sự hỗ trợ khi gặp phải những rủi ro không mong muốn.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lasse Krantz (2001), An Introduction: The Sustainable Livelihood Approach to Poverty Reduction, Swedish International Development Cooperation Agency, Division for Policy and Socio-Economic Analysis.
- [2] OPHI (2014), "Global Multidimensional Poverty Index 2014", Oxford University.
- [3] Đặng Nguyên Anh, "Nghèo đa chiều ở Việt Nam: một số vấn đề chính sách và thực tiễn", Trang thông tin điện tử của Ban Kinh tế Trung ương, <https://kinhthetronguoc.vn/>, đăng ngày 14/06/2016, truy cập ngày 26/11/2016.
- [4] Ngô Trường Thi (2014), "Tiến tới tiếp cận đo lường nghèo đa chiều ở Việt Nam", <http://http://www.molisa.gov.vn/>, đăng ngày 05/04/2014, truy cập ngày 26/11/2016
- [5] DFID (1999), "Sustainable Livelihoods Guidance Sheets".
- [6] Sabina Alkire, James Foster (2009), "Counting and Multidimensional Poverty Measurement" OPHI Working paper.
- [7] Đặng Hữu Liệu (2016), "Mối quan hệ giữa nghèo đói và độ đa dạng các hoạt động sinh kế: nghiên cứu trường hợp tại xã Hang Kia, Pà Cò huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình", Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.150-158, 61(10).
- [8] Solomon Asfaw, Nancy McCarthy, Adriana Paolantonio, Romina Cavatassi, Mulubrhan Amare and Leslie Lipper (2015), Livelihood diversification and vulnerability to poverty in rural Malawi, ESA Working Paper No. 15-02, Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome.

## Assessing Multidimensional Poverty Based on the Sustainable Livelihood Framework: A Case Study of Hang Kia and Pa Co Communes, Mai Chau District, Hoa Binh Province

Dang Huu Lieu, Nguyen Thi Ha Thanh

*VNU University of Science, 334 Nguyen Trai, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Vietnamese government is officially applying standards of multidimensional poverty as a basis for poverty assessment in the period of 2016 and 2010, overcoming limitations of income poverty's assessing methods. However, according to the authors' point of view, the selected indicators have not yet reflected the comprehensive aspects of life, while multidimensional poverty assessment (driven from OPHI) based on sustainable livelihood framework (of DFID) is considered as a better method. This research is conducted in Hang Kia and Pa Co, the mountainous communes of Mai Chau district, Hoa Binh province, by using the later methods. Total 13 indicators under 5 livelihood sources were selected. As the results, the rates of multidimensional poverty in these two communes were shown by the insufficiency in each indicator, by communes and by kinds of poverty households. This result can be used for better decision- making on poverty reduction.

*Keywords:* Multidimensional poverty, sustainable livelihood, Hang Kia, Pa Co.